TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS -ST
Ngày: 20/7/2018
V/v kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Thu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quyết Thắng

Ông Nguyễn Quốc Doanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thoa - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện VKSND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017 về "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH P

Địa chỉ: Số 6A phố ST, ph- ờng ĐB, quận BĐ, thành phố HN

Ng- ời đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc C, chức vụ: Giám đốc

Ng- ời đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H, SN: 1970

Luật s- thuộc văn phòng Luật s- TT- Đoàn Luật s- thành phố HN

Địa chỉ: Phòng 306, khu nhà 7 tầng, Viện khoa học công nghệ Mỏ - Luyện kim,79 phố AT, phường QTG, quận ĐĐ, tp Hà Nội

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, SN: 1971

Địa chỉ: Số nhà 231 chợ MS, xã MS, huyện VG, tỉnh HY

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Tiến D trước đây mở cửa hàng bán Sơn và mua hàng của công ty TNHH P là sản phẩm sơn Nipon, thời gian đầu có làm hợp đồng, sau đó công ty vẫn giao hàng cho ông D và ký giấy nhận nợ. Sau các lần đặt mua hàng, công ty TNHH P đã giao hàng đầy đủ cho ông D. Lần sau cùng ông D ký biên bản xác nhận nợ với công ty TNHH P là ngày 28/7/2008, số tiền ông D còn nợ công ty TNHH P đến hết ngày 30/6/2008 là 96.913.000đồng.

Trong thời gian qua, công ty TNHH P đã nhiều lần đến làm việc và yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng cho công ty theo như biên bản xác nhận nợ nêu ở trên nhưng ông D không thực hiện.Việc làm này của ông D đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công ty P nên công ty P khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Văn Giang buộc ông D phải thanh toán cho công ty TNHH P tổng số tiền là 96.913.000đ(chín mươi sáu triệu, chín trăm mười ba nghìn đồng).

Ngoài "Biên bản xác nhận công nợ" được ký giữa công ty P và ông D ngày 28/7/2008 thì công ty P không còn lưu giữ được tài liệu chứng cứ nào khác để xuất trình tại Toà án.

Quá trình Toà án giải quyết, ông D cho rằng ông đã thanh toán nợ và chỉ còn nợ công ty TNHH P số tiền khoảng 50.000.000 đồng, ông D đưa ra chứng cứ là trang sổ ghi chép giao 10.000.000 đồng cho nhân viên công ty là anh Ninh Đức N ngày 21/11/2008. Chứng cứ này công ty P có Phiếu giao hàng ngày 21/11/2008 chứng minh số tiền ông D giao cho anh N là thanh toán cho đơn hàng mới, không phải thanh toán cho khoản nợ tại giấy xác nhận công nợ ngày 28/7/2008. Do vậy, công ty P không đồng ý với ý kiến của ông D. Yêu cầu ông D phải trả công ty số tiền 96.913.000đồng.

Công ty cũng đã nhận được thông báo của Toà án yêu cầu cung cấp thông tin, địa chỉ của các nhân viên cũ là anh Ninh Đức N, anh C, anh Đ. Tuy nhiên công ty P ngừng phân phối sản phẩm Sơn từ năm 2008 và những người này từ đó không làm việc cho công ty, công ty không còn lưu giữ được hồ sơ, tài liệu liên quan đến những người này nên không có thông tin gì để cung cấp cho Toà án.

Tại bản tự khai và các biên bản lấy lời khai - bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Tên ông là Nguyễn Văn D, các giấy tờ tùy thân của ông đều thể hiện là Nguyễn Văn D. Tuy nhiên khi làm ăn cần ký thì ông lại hay ký tên là Nguyễn Tiến D. Khi mua bán sơn với công ty P ông cũng ký là Nguyễn Tiến D.

Khoảng năm 2002 hoặc 2003 ông mở của hàng kinh doanh sơn ở Chợ MS. Ông có mua sơn Nippon của công ty TNHH P về để bán lại kiếm lời. Do doanh số bán hàng

chưa đạt mức để công ty ký hợp đồng đại lý nên ông chỉ mua sơn bằng hình thức mua đứt bán đoạn. Việc mua bán không làm hợp đồng, giao hàng và trả tiền thông qua hoá đơn.

Thời điểm ký giấy xác nhận công nợ ngày 28/7/2008 đúng là ông có nợ công ty TNHH P số tiền mua sơn là 96.913.000đồng. Tuy nhiên sau đó giữa ông và công ty TNHH P vẫn tiếp tục việc mua bán sơn cho đến năm 2009 mới chấm dứt. Ông có làm việc với các nhân viên của công ty TNHH P là anh C, anh N, anh Đ. Theo ông nhớ thì thông thường khi mua sơn của công ty TNHH Phan ông sẽ nợ lại công ty một khoản tiền nhưng không bao giờ ông để số nợ quá 50.000.000đồng.

Số tiền ông nợ công ty theo giấy xác nhận công nợ là 96.913.000 đồng tính đến hết ngày 30/6/2008 là đúng. Tuy nhiên số nợ này công ty chưa trừ khuyến mại cho ông. Ông khẳng định sau khi trừ khuyến mại và sau đó ông đã thanh toán trả nợ cho công ty thì đến nay ông chỉ còn nợ công ty 50.000.000 đồng. Do thời gian quá lâu nên ông không tìm lại được các tài liệu chứng cứ để chứng minh, ông chỉ xuất trình được duy nhất trang số ghi chép vào ngày 21/11/2008 ông giao cho nhân viên công ty TNHH P là anh Ninh Đức N 10.000.000 đồng để trả nợ.

Nay công ty TNHH P buộc ông trả 96.913.000đồng ông không chấp nhận, ông chỉ đồng ý trả công ty TNHH P 50.000.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ kiện, Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành, vì vậy phải đưa vụ kiện ra xét xử.

Tại phiên toà:

Đại diện công ty TNHH P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi ông Nguyễn Văn D trả cho công ty số tiền 96.913.000đồng.

Ông Nguyễn Văn D cũng giữ nguyên quan điểm ông chỉ còn nợ công ty TNHH P 50.000.000đồng và ông chỉ chịu trách nhiệm trả số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật , hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên toà được Hội đồng xét xử tiến hành đảm bảo đúng quy định.

Các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 117, 401, 440 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của công ty TNHH P, buộc ông Nguyễn Văn D phải thanh toán số tiền

96.913.000 đồng cho công ty TNHH Phan theo biên bản ghi nhận công nợ giữa ông Nguyễn Văn D và công ty TNHH P lập ngày 28/7/2008.

Về án phí: áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015, Luật phí, lệ phí, NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, buộc ông Dật phải chịu 5% x 96.913.000 đồng = 4.845.650 tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH P về việc đòi tài sản đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D thường trú tại số nhà 231, chợ MS, xã MS, huyện VG, tỉnh HY. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Văn Giang thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đại diện công ty TNHH P trình bày năm 2008 công ty có bán sản phẩm sơn Nipon cho ông D. Sau các lần ông D đặt mua sơn công ty đã giao sơn đầy đủ. Ngày 28/7/2008 ông D đã ký với công ty "Giấy xác nhận công nợ" nhận nợ của công ty số tiền mua sơn là 96.913.000 đồng. Đến nay ông D chưa thanh toán số tiền này. Do việc mua bán sơn giữa công ty P với ông D không có hợp đồng nên công ty chỉ khởi kiện đòi tài sản là số tiền ông D nợ chưa thanh toán và không yêu cầu tính lãi. Từ đó có đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là " Tranh chấp về việc kiện đòi tài sản" quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Số tiền mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn xuất phát từ việc mua bán hàng hoá. Tuy nhiên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không phải là tranh chấp hợp đồng mua bán mà là kiện đòi số tiền bị đơn chưa thanh toán là tài sản của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao không thuộc trường hợp áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty TNHH P yêu cầu ông Nguyễn Văn D phải trả cho công ty số tài sản là tiền mua sơn chưa thanh toán từ tháng 7 năm 2008 tổng cộng là 96.913.000đồng. Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của công ty P là "Giấy xác nhận công nợ" được ký giữa công ty P và ông D ngày 28/7/2008. Bị đơn ông D thừa nhận có việc ông mua sơn của công ty P, việc mua bán không lập hợp đồng mà là mua đứt bán đoạn, nhận hàng và thanh toán bằng hoá đơn. Ông D cũng thừa nhận ngày 28/7/2008 ông đang nợ công ty P số tiền đúng như trong "Giấy xác nhận công nợ" là 96.913.000đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự " Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết

luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh" . Như vậy việc mua bán sơn giữa công ty TNHH P và ông D, sự kiện giữa công ty TNHH P và ông D lập giấy xác nhận công nợ ngày 28/7/2008 để xác nhận nghĩa vụ thanh toán của bên mua là ông D là có thật. Khoản 2 Điều 428, Điều 438 của Bộ luật dân sự 2005 quy định "Hợp đồng mua bán tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản và nhận tiền...còn bên mua tài sản có nghĩa vụ nhận tài sản và trả đủ tiền cho bên bán". Việc mua bán sơn giữa hai bên tuy không lập thành hợp đồng nhưng cả hai bên đều thừa nhận có giao dịch mua bán sơn, có xác nhận nợ và hiện nay bên có nghĩa vụ là ông D chưa trả tiền. Nguyên đơn xác định số tiền ông D chưa trả chính là tài sản của công ty và khởi kiện yêu cầu đòi số tài sản này căn cứ vào "Giấy xác nhận công nợ" ngày 28/7/2008 là hoàn toàn có cơ sở để xem xét.

Xét về tài sản kiện đòi: Theo Giấy xác nhận công nợ ngày 28/7/2008, công ty P đòi ông D trả 96.913.000 đồng, ông D thừa nhận số nợ này. Tuy nhiên ông cho rằng sau đó ông vẫn tiếp tục mua bán sơn với công ty TNHH P, đã trả nợ một phần cho công ty, căn cứ để chứng minh là ngày 21/11/2008 ông đã thanh toán được 10.000.000 đồng anh Ninh Đức N nhân viên của công ty đã ký nhận vào trang số ghi chép của ông. Theo ông thì ông có nợ công ty nhưng không bao giờ ông để số nợ quá 50.000.00đồng. Do vậy với số nhận nợ nêu trên, trừ tiền khuyến mại và số tiền ông đã thanh toán tiếp sau đó ông chỉ còn nợ công ty TNHH P 50.000.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ kiện, Toà án đã nhiều lần ra thông báo yêu cầu ông D phải cung cấp chứng cứ về số tiền khuyến mại, và số tiền ông đã thanh toán trả nợ cho giấy xác nhận công nợ đã ký với công ty TNHH P để chứng minh ông chỉ còn nợ 50.000.000 đồng. Nhưng ông D chỉ xuất trình được trang sổ ghi chép đề ngày 21/11/2008 ông giao cho anh Ninh Đức N nhân viên công ty TNHH P số tiền 10.000.000đ, theo ông D số tiền này ông thanh toán nợ cho công ty. Tuy nhiên nội dung anh N ghi lại là "thu tiền sơn Nippon của anh D MS - HY 10.000.000đ" chứ không phải ghi thu nợ tiền sơn của ông D. Công ty TNHH P xác nhận sau khi công ty và ông D ký giấy xác nhận công nợ ngày 28/7/2008 ông D vẫn tiếp tục mua hàng của công ty, nhưng do ông D nợ tiền mua hàng của công ty nên công ty yêu cầu ông D phải thanh toán ngay đối với những đơn hàng mới nên sau đó giữa công ty và ông D không phát sinh nợ mới, còn đối với số nợ hai bên xác nhận ngày 28/7/2008 ông D chưa thanh toán cho công ty. Đối với chứng cứ ông D xuất trình việc thanh toán số tiền 10.000.000đ ngày 21/11/2008 phía công ty xuất trình phiếu giao hàng số 007673 và hóa đơn bán hàng số 007673 cùng ngày 21/11/2008 và khẳng định đây là số tiền ông D thanh toán cho đơn hàng mới chứ không phải thanh toán cho giấy xác nhận nợ ngày 28/7/2008. Phiếu giao hàng, hóa đơn bán hàng thể hiện số lượng sơn công ty giao cho ông D, đơn giá, thành tiền đối với số lượng sơn trong phiếu giao hàng, thời hạn thanh toán 21/11/2008 và ghi chú anh N thu 10.000.000 đồng, số tiền anh N đã thu đúng bằng số tiền tương ứng với số lượng sơn công ty giao cho ông D ngày 21/11/2008. Về phía anh N, anh C và anh Đ mà ông D cho rằng là những nhân viên công ty P đã làm việc với ông sau ngày nhận nợ. Toà án cũng đã yêu cầu ông D, công ty cung cấp thông tin, địa chỉ của những người này. Tuy nhiên

ông D, công ty TNHH P không cung cấp được cho Toà án nên Toà án không thể tiến hành thu thập lời khai của những người nêu trên. Do vậy, không có đủ căn cứ chứng minh sau khi ký giấy xác nhận công nợ ông D đã thanh toán nợ cho công ty P, ông D giao cho anh N 10.000.000 đồng ngày 21/11/2008 là thanh toán cho đơn hàng mới ngày 21/11/2008 không phải là thanh toán cho số tiền nợ tại biên bản xác nhận công nợ ngày 28/7/2008.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thấy rằng: Số tiền ông D nhận nợ công ty TNHH P tại thời điểm ngày 28/7/2008 đã được hai bên thừa nhận là 96.913.000 đồng. Ông D cho rằng sau đó ông đã thanh toán cho công ty TNHH P và chỉ còn nợ 50.000.000 đồng nhưng ông không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do vậy ý kiến ông D đưa ra là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH P hoàn toàn có căn cứ, HĐXX sẽ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH P, buộc ông Nguyễn Văn D phải trả công ty TNHH P số tiền 96.913.000đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên công ty TNHH P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 4 Điều 147: Điều 184; Điều 186; Điều 203: Điều 235; Điều 266; Điều 267 và Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 256, 290, 428, 438 của Bộ luật dân sự 2005;

- Các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Luật phí và lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử :

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH P về việc kiện đòi tài sản.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D phải trả công ty TNHH P số tiền 96.913.000đồng (Chín mươi sáu triệu chín trăm mười ba nghìn đồng)

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu ông D chậm thanh toán sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự

2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí : Ông Nguyễn Văn D phải chịu 4.845.600đ(Bốn triệu tám trăm bốn năm nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả công ty TNHH P số tiền 2.423.000đồng (Hai triệu bốn tram hai mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015590 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh HY.
- VKSND huyện Văn Giang.
- Chi cục THADS huyện Văn Giang.
- Các đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Vũ Thu Giang